TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2018/QĐST-HNGĐ	S, *ngày 16 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Bích T, sinh năm 1992

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 115 Nguyễn Đăng T, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lâm Thị Bích T và ông Trần Thanh T1. *(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị Bích T và ông Trần Thanh T1 nên giấy chứng nhận kết hôn số số 169/2010, quyển số 01/2010 do UBND phường T cấp ngày 17/8/2010 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích T và ông Trần Thanh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông T1 thống nhất thỏa thuận: Giao 02 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 26/12/2009 và Trần Bảo T2, sinh ngày 05/02/2014 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có.

- Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 8574 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh